

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 14/01/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Đào Trọng Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2019/TLST - HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐST - DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Điều Thị Thu H, sinh năm: 1987 “có mặt”;
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, phường H, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Điều D, sinh năm: 1983 “vắng mặt”;
Địa chỉ: Đội 1, thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Điều Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Thu H và ông Điều D tự nguyện chung

sống với nhau từ năm 2009 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng là do ông Điều D thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2019 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Điều D .

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông D có 02 người con chung là Điều Thị H, sinh ngày 14/12/2011 và Điều Minh T, sinh ngày 01/12/2014.

Đối với 02 người con chung bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Điều D cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 30/8/2019 bị đơn ông Điều D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Điều D và bà Điều Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau được gần 10 năm và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H , thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Ông D thừa nhận trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng có hạnh phúc mặc dù có một số mâu thuẫn là do ông ông D hay nóng giận dẫn đến không kiềm chế được bản thân nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Vì vậy ông D không đồng ý ly hôn với bà H .

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống ông D và bà H có 02 người con chung là Điều Thị H Trang, sinh ngày 14/12/2011 và Điều Minh Toàn, sinh ngày 01/12/2014.

Đối với 02 người con chung ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận ,không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng dụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Điều D vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà H cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Điều Thị Thu H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Điều Thị H Trang, sinh ngày 14/12/2011 và Điều Minh Toàn, sinh ngày 01/12/2014 cho bà Điều Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không yêu cầu nên xem xét không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Điều Thị Thu H đứng đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điều D theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông D có nơi cư trú tại huyện Bù Gia Mập nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn ông Điều D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Điều D là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đi đăng ký kết tại UBND xã Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà H, ông D thường xuyên đi nhậu không lo làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà H và ông D đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm

vợ chồng không còn, đời sống chung giữa bà H và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông D .

[4] Đối với bị đơn ông Điều D , trong quá trình giải quyết vụ án ông D cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà H hiện nay vẫn còn, nên ông D không đồng ý ly hôn với bà H và ông D có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên đã niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho ông D được biết để làm việc, hòa giải đoàn tụ và hòa giải đối với về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung của bà H và ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện ông D có thái độ bỏ mặc vợ con, không tôn trọng cuộc sống hôn nhân gia đình. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông D không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Điều Thị Thu H .

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông D có 02 con chung là Điều Thị H , sinh ngày 14/12/2011 và Điều Minh T , sinh ngày 01/12/2014, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con, chăm sóc và giáo dục con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bà H và ông D . Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Trang thì cháu H có nguyện vọng được sống với bà H . Còn đối với cháu T hiện nay đang còn nhỏ. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất cũng như tinh thần của cháu Trang và cháu Toàn nên cần giao cháu H và cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

Bà H không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[7] Các vấn đề khác: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Thị Thu H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Thu H được ly hôn với ông Điều D .

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: giao cháu Điều Thị H , sinh ngày 14/12/2011 và Điều Minh T , sinh ngày 01/12/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trang và cháu Toàn đủ 18 tuổi.

Bà Điều Thị Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục mà không ai được quyền ngăn cản.

Bà H không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Điều Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0019911 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã H ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Ngọc Ánh

